ĐẦU TƯ CHO CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN ĐỂ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀNG HOÁ Ở TỈNH PHÚ THỌ

*ThS NGUYỄN THANH HẢI**

1. Thực tiễn kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới cho thấy phát triển nông nghiệp hàng hoá (NNHH), thực hiện quan hệ hàng hoá - tiền tệ trong nông nghiệp, nông thôn (NN,NT) là phương thức tối ưu thúc đẩy nhịp độ tăng trưởng kinh tế, tạo cơ sở, động lực cho tiến trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước; đồng thời, là con đường để giải phóng lực lượng sản xuất, giải phóng nông dân, nông thôn ra khỏi tình trạng lạc hậu. Là một quốc gia có điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi để phát triển một nền nông nghiệp sản xuất lớn như Việt Nam thì việc thực hiện phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá là quy luật tất yếu để phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn coi phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn là vấn đề có tính chiến lược và đã nỗ lực trong việc xây dựng chủ trương, chính sách, thực hiện nhiều giải pháp để không ngừng đổi mới QLNN đối với sự phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá. Từ những năm 1990 trở lại đây, nông nghiệp và kinh tế nông thôn nước ta đã có những bước tiến mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu, nông nghiệp đã và đang chuyển mạnh từ nền sản xuất nhỏ, tự túc tự cấp, theo phương thức truyền thống sang sản xuất hàng hoá, dựa theo tín hiệu của thị trường và hướng vào xuất khẩu.

Phát triển NNHH là thúc đẩy quá trình chuyển đổi nền nông nghiệp nước ta từ một nền nông nghiệp với cơ cấu sản xuất đơn điệu, chủ yếu là độc canh lương thực thành một nền NNHH nhiều thành phần, với cơ cấu sản xuất và kinh doanh đa dạng, gắn với công nghiệp chế biến, với dịch vụ và phát triển ngành nghề khác trong nông thôn; tổ chức sản xuất và phân công lao động ngày càng hợp lý; công cụ lao động và những thành tựu khoa học - kĩ thuật mới được sử dụng vào sản xuất ngày càng nhiều.

Sự phát triển của các loại hình kinh tế NNHH, từ các khâu sản xuất, chế biến, và tiêu thụ đều gắn liền với các điều kiện kết cấu hạ tầng như hệ thống giao thông, cung cấp điện, hệ thống thuỷ lợi, thông tin liên lạc, chợ, trung tâm thương mại, cơ sở chế biến. Đây là nhân tố có tính quyết định đến sự phát triển kinh tế hàng hoá nói chung và phát triển kinh doanh nông sản hàng hoá nói riêng.

Nông sản hàng hoá sản xuất ra phải được bảo quản, vận chuyển kịp thời đến nơi tiêu thụ, chế biến, đảm bảo được tính chất hàng hoá của sản phẩm (nhất là một số hàng tươi sống), vì vậy, cần phải có điều kiện giao thông thuận lợi. Nếu hệ thống đường giao thông hoặc phương tiện vận tải không phát triển thì cho dù sản xuất nông sản có phát triển cũng khó có thể đẩy

* Chủ tịch UBND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

mạnh phát triển sản xuất hàng hoá.

Vai trò quản lý của Nhà nước là phải đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn; cung ứng các dịch vụ và hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là cơ sở chế biến, bảo quản sau thu hoạch và tiêu thụ nông sản hàng hoá của nông dân.

Kết cấu hạ tầng tạo điều kiện thúc đẩy việc sản xuất lưu thông hàng hoá. Vì vậy, trong phát triển kinh tế - xã hội thì hạ tầng phải đi trước một bước. Các loại hình sản xuất NNHH trong NN,NT không thể tồn tại một cách độc lập và chủ trang trại cũng không thể sản xuất - kinh doanh một cách có hiệu quả nếu thiếu sự hỗ trợ từ phía Nhà nước không chỉ về vốn, về khoa học kĩ thuật và công nghệ, về thông tin thị trường mà còn cả về kết cấu hạ tầng nông thôn. Với vai trò là nhà quản lý, Nhà nước phải đầu tư và có chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

2. Sự phát triển kinh tế NN,NT ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc nói chung và ở Phú Thọ nói riêng vẫn còn những khó khăn: cơ cấu kinh tế NN,NT chuyển dịch chậm, kém hiệu quả; cơ sở vật chất kĩ thuật cho NNHH và kết cấu hạ tầng nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu; tổ chức sản xuất còn yếu kém; hệ thống thị trường thiếu đồng bộ; tỉ suất hàng hoá, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn thấp, không bền vững; sản xuất nông nghiệp ở nhiều nơi còn mang nặng tính chất tự nhiên; công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm sản phát triển chậm, ngành nghề và dịch vụ chưa thu hút được nhiều lao động; một bộ phận không nhỏ hộ nông dân gặp nhiều khó khăn trong sản xuất hàng hoá; chất lượng nguồn nhân lực trong NN,NT còn hạn chế...

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển NN,NT (Nghị quyết Trung ương 5 khoá XI, Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02-02-2000 của Chính phủ về phát triển kinh tế trang trại; Quyết định số 132/2001/QĐ-TTg ngày 07-9-2001 về cơ chế tài chính phát triển các tuyến đường nông thôn, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thuỷ sản, cở sở hạ tầng các làng nghề ở khu vực nông thôn), Chính phủ, các bộ, ngành ở trung ương đã ban hành chính sách, đầu tư thực hiện nhiều dự án nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, hỗ trợ tích cực cho sự phát triển của NN,NT nói chung và sản xuất NNHH trên các lĩnh vực nói riêng.

Thực hiện các chủ trương, chính sách của trung ương, tỉnh Phú Thọ đã quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ phát triển nông thôn nói chung và nhu cầu sản xuất NNHH nói riêng. Kết quả cụ thể như sau:

- *Về thuỷ lợi,* được sự đầu tư bằng nhiều nguồn vốn khác nhau đến nay hệ thống thủy lợi của tỉnh đã phát triển, đáp ứng được nhu cầu tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp và phòng chống bão lụt hàng năm. Từ năm 2001 đến năm 2007, đã nâng cấp, cải tạo, xây dựng 30 trạm bơm, 12 hồ đập, 711 km kênh mương được kiên cố hóa. Tổng kinh phí đầu tư cho các chương trình thuỷ lợi là 467.123 triệu đồng. Ngoài ra, tỉnh còn thực hiện các chương trình hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng NN,NT khác như Chương trình xây dựng công trình phân lũ, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng phân lũ, chậm lũ bảo vệ Thủ đô Hà Nội được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 07-02-2002.

- *Về giao thông,* đã làm mới 208 km; cải tạo nâng cấp 37.860 km giao thông nông thôn; làm mới 106 cầu, cống các loại với tổng kinh phí 827.600 triệu đồng. Đồng thời, Nhà nước đầu tư, cải tạo các đường quốc lộ chạy qua địa bàn tỉnh như quốc lộ 2; quốc lộ 32A và 32C, đang tiến hành xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai - Côn Minh.

Các công trình cơ sở hạ tầng khác cũng được quan tâm đầu tư như xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hoá hệ thống

điện nông thôn phục vụ sản xuất và đời sống với tổng kinh phí 154.892 triệu đồng. Các chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng chuồng trại phục vụ chăn nuôi, xây dựng chợ đầu mối, hỗ trợ phát triển các khu, cụm công nghiệp, thu hút các doanh nghiệp sản xuất, chế biến vào khu vực nông thôn, tạo điều kiện cho NNHH phát triển. Ngoài ra, tỉnh còn quan tâm đầu tư về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn nên về cơ bản 100% số xã và 97,3% số thôn có điện lưới quốc gia; 100% số xã có đường ô tô đến trụ sở xã; 90% số xã có điện thoại.

- Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp.

Xác định rõ vai trò của công nghiệp đối với nông nghiệp, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07-7-2006 về hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và nhiều văn bản khác khuyến khích phát triển công nghiệp ở vùng nông thôn. UBND tỉnh đã có Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 24-8-2007 phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Phú Thọ với mục tiêu tạo sự gắn kết giữa sản xuất nông nghiệp với chế biến, phát triển NNHH hiệu quả, bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trên địa bàn tỉnh. Quy hoạch đang được các cấp, các ngành trong tỉnh triển khai thực hiện. Cụ thể, tỉnh đã có quy hoạch phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn; trong đó, quan tâm thu hút các ngành chế biến nông, lâm, thủy sản như chế biến bột giấy, chế biến chè, chế biến sản phẩm lâm nghiệp. Trên địa bàn tỉnh, hiện có hai doanh nghiệp trồng và chế biến chè có vốn đầu tư nước ngoài là Công ty chè Phú Đa và Công ty chè Phú Bền với diện tích trên 3.000 ha, thu hút hàng nghìn lao động, hàng năm chế biến trên 32.000 tấn chè búp tươi xuất khẩu. Các nhà máy giấy tiêu thụ khoảng 400 - 500 ngàn tấn gỗ nguyên liệu/năm. Trên địa bàn tỉnh, còn có 148 doanh nghiệp tư nhân, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực chế biến gỗ, chè búp tươi và một số sản phẩm khác với tổng số vốn đăng kí 640 tỉ đồng, giải quyết việc làm cho 5.200 lao động; có trên 23.000 hộ gia đình tham gia chế biến, bảo quản nông, lâm sản, thu hút và giải quyết việc làm cho 40.900 lao động. Trong những năm qua, tỉnh còn quan tâm chỉ đạo phát triển các ngành nghề nông thôn, phát triển tiểu thủ công nghiệp sử dụng nguyên liệu tại chỗ, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Ngành nghề nông thôn ở tỉnh qua đó đã có bước phát triển đáng kể, giá trị sản xuất thực tế tăng bình quân 17,4%/năm; một số ngành có tốc độ tăng trưởng khá như chế biến gỗ nguyên liệu, sản xuất hàng mộc gia dụng tăng 26,2%; khai thác và chế biến cao lanh tăng 57,8%. Một số sản phẩm có khối lượng lớn như chè chế biến, gỗ, gạch nung, giấy các loại...

Có thể thấy việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và công nghiệp chế biến ở tỉnh Phú Thọ trong thời gian qua có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương mà còn hỗ trợ phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hoá.

Bên cạnh những kết quả trên đây, công tác xây dựng và chỉ đạo thực thi chính sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở tỉnh Phú Thọ trong những năm qua cũng còn những hạn chế. Hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn ở các vùng núi, nhất là các xã vùng cao đặc biệt khó khăn còn nhiều hạn chế và yếu kém so với cả nước (còn 4/250 xã có đường ô tô đến trụ sở xã nhưng không đi được quanh năm). Nhiều tuyến đường, kể cả quốc lộ, tỉnh lộ xuống cấp nghiêm trọng, tu bổ chậm, gây cản trở cho việc lưu thông hàng hoá. Đường giao thông làng xã, nhất là đường liên khu ở các xã vùng cao còn rất khó khăn. Hệ thống hạ tầng thông tin còn yếu kém (số chủ trang trại kết nối internet chiếm tỉ lệ thấp, khoảng 1%, còn khoảng 10% số xã chưa có điện thoại). Có thể thấy, các chủ thể sản xuất,

chủ trang trại sử dụng dịch vụ internet để tìm hiểu thông tin, thị trường và nghiên cứu kĩ thuật là rất hạn chế. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng mới tập trung chủ yếu vào thuỷ lợi trong nông nghiệp, xây dựng công trình giao thông nông thôn, xây dựng và tu bổ đê điều, nước sạch nông thôn, chưa quan tâm tới thuỷ lợi vùng đồi, chưa có các công trình hỗ trợ cho tiêu thụ nông sản như chợ nông sản với quy mô lớn hoặc đầu tư xây dựng cơ sở chế biến nông, lâm sản. Các vùng nuôi trồng thuỷ sản chưa được quy hoạch hạ tầng, do đó, về lâu dài sẽ gây ô nhiễm môi trường nước, ảnh hưởng đến việc ứng dụng khoa học kĩ thuật và phòng trừ dịch bệnh, làm giảm năng suất, chất lượng sản phẩm. Việc quy hoạch cụ thể các công trình chưa đồng bộ, còn chồng chéo giữa các ngành. Trong quá trình phát triển hạ tầng, chưa quan tâm đến quy hoạch đầu tư các cơ sở chế biến, bảo quản sau thu hoạch, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của cả người sản xuất và chế biến.

Công tác quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến chưa gắn với phát triển vùng nguyên liệu; nhiều cơ sở chế biến không quan tâm đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu. Toàn tỉnh hiện có 65 cơ sở chế biến chè công suất từ một tấn búp tươi trở lên và khoảng 750 cơ sở chế biến chè xanh thủ công với tổng công suất thiết kế khoảng 1.200 tấn búp tươi/ngày. Sản lượng chè búp tươi hiện nay chỉ đáp ứng được 30% công suất, dẫn đến tình trạng tranh mua tranh bán giữa các cơ sở chế biến. Nguyên liệu kém chất lượng cùng với công nghệ chế biến không cao đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng sản phẩm, gây khó khăn cho tiêu thụ sản phẩm. Tình trạng tranh chấp hợp đồng giữa nông dân và các công ty đã xảy ra nhiều lần nhưng các cấp chính quyền chưa có biện pháp giải quyết triệt để. Vấn đề này cần được các cơ quan chức năng quan tâm nhiều hơn trong thời gian tới.

3. Để nhanh chóng phát triển Phú Thọ trở thành một trong những tỉnh NNHH trọng điểm của vùng, cần huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển nhanh chóng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông; bổ sung quy hoạch, tập trung đầu tư hệ thống thuỷ lợi vùng đồi, đảm bảo đến năm 2015 tưới cho 30% diện tích chè và cây ăn quả; hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới điện tới các cụm dân cư, cụm kinh tế kĩ thuật và vùng trọng điểm; nâng cấp và mở rộng hệ thống thông tin liên lạc, tăng cường hệ thống thông tin qua internet.

Thực hiện những nhiệm vụ nêu trên, cần tập trung nỗ lực vào các giải pháp chủ yếu:

- Có những hình thức phù hợp để động viên, khuyến khích các chủ thể sản xuất đóng góp nhiều hơn cho quỹ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế hoạt động của hệ thống quỹ đầu tư phát triển nông thôn tới các cơ sở xã, phường. Do vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn có nhiều nguồn khác nhau và được sử dụng cho đầu tư những công trình hạ tầng khác nhau, nên sự hoạt động có hiệu quả của hệ thống này sẽ tạo điều kiện huy động các nguồn vốn triệt để hơn và sử dụng hiệu quả hơn.

- Có những chính sách ưu đãi đầu tư cụ thể để huy động các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn, nhất là đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, các cơ sở sơ chế, chế biến và bảo quản nông sản sau thu hoạch. Nhà nước cần có chính sách ưu đãi phù hợp nhằm khuyến khích các đối tượng (kể cả chủ trang trại), các nhà đầu tư quan tâm đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến và bảo quản sau thu hoạch. Tỉnh cần tăng mức hỗ trợ đầu tư, rà soát, điều chỉnh một số chính sách có liên quan để khuyến khích, thu hút đầu tư vào lĩnh vực này. Hiện nay, chính sách thuế giá trị gia tăng đối với nông sản hàng hoá của trang trại là

chưa hợp lý. Nếu nông sản của trang trại được bán ra dưới dạng thô, chưa qua chế biến thì không áp dụng thuế giá trị gia tăng, nhưng cũng với những sản phẩm này mà chủ trang trại đã chế biến thì phải chịu mức thuế giá trị gia tăng là 10%. Chính sách này không những không khuyến khích mà còn cản trở việc thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực này.

Kinh nghiệm cho thấy, phương châm cơ bản đối với việc xây dựng một chính sách phù hợp cho phát triển cơ sở hạ tầng ở nông thôn là phải huy động tối đa năng lực của các chủ thể, đối tượng có liên quan để phục vụ yêu cầu phát triển, thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Bí quyết thành công của phương châm nói trên là tính hợp lý, công khai và dân chủ trong huy động, sử dụng các nguồn lực đóng góp của nhân dân. Tuy nhiên, việc huy động sức dân trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phải tính tới điều kiện kinh tế, sinh hoạt của nông dân, đảm bảo hợp tình, hợp lý và hợp lòng dân❑

* * * * * * * * * * *

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ...

(Tiếp theo trang 33)

thực tế từng địa phương, có thể thành lập các chi hội chuyên ngành như chi hội khoa học nông nghiệp, chi hội khoa học công nghiệp - xây dựng, chi hội khoa học xã hội và nhân văn ... để tạo môi trường cho cán bộ KH&CN sinh hoạt, cùng trao đổi nghiệp vụ và phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Bố trí để mỗi huyện, thành phố có ít nhất một cán bộ biên chế chuyên trách làm công tác quản lý nhà nước về KH&CN; tăng cường công tác đào tạo trong và ngoài nước kiến thức về KH&CN cho cán bộ KH&CN ở địa phương; tiếp tục hỗ trợ triển khai các dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi và Chương trình 68 về phát triển tài sản trí tuệ; sửa đổi một số cơ chế, chính sách về tài chính cho KH&CN; cân đối, tăng mức đầu tư kinh phí sự nghiệp KH&CN đảm bảo đạt 2% tổng chi ngân sách của địa phương...Dành tỉ lệ kinh phí thỏa đáng từ ngân sách cấp tỉnh và huyện để phục vụ cho các hoạt động KH&CN, nhất là thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học được "đặt hàng". Sớm thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển KH&CN nhằm tài trợ có thu hồi một phần và cho vay ưu đãi, góp vốn với doanh nghiệp để ươm tạo công nghệ và sản xuất sản phẩm mới. Đồng thời, tăng phần đầu tư của các doanh nghiệp đối với lĩnh vực KH&CN. Cả nước hiện có gần 200 nghìn doanh nghiệp thuộc các thành phần, trong đó có khá nhiều tập đoàn, nhiều hãng lớn. Ở nhiều nước, tỉ lệ giữa phần vốn nhà nước và phần vốn doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN phổ biến là 1:3, hoặc 1:4, hay 1:5. Còn ở nước ta, tỉ lệ này đang được thực hiện theo hướng ngược lại: 5:1. Theo chính sách thuế hiện nay của Nhà nước, doanh nghiệp được để lại 10% thu nhập trước thuế để đầu tư cho KH&CN và được trích 50% phần thu nhập tăng thêm cho ứng dụng tiến bộ KH&CN (phần này không phải chịu thuế) để chi thưởng và chi tái đầu tư cho KH&CN. Tính ra, hằng năm, chỉ riêng các tập đoàn kinh tế lớn và mấy chục vạn doanh nghiệp vừa trở lên, đã có nguồn để chi cho KH&CN hàng chục nghìn tỉ đồng...

Nghiên cứu các hình thức tôn vinh, khen thưởng xứng đáng những cá nhân, đơn vị có thành tích trong hoạt động nghiên cứu KH&CN❑